

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Công Quyền.

2. Ông Võ Xuân Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Lương Đ, sinh năm: 1988; địa chỉ: Đội 7, Thôn Mai Xá, xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Xuân D, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 102/11B, hẻm 45, đường Ngô Quyền, ấp Trường An, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 4 năm 2024, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lê Lương Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị D tự nguyện kết hôn từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây. Anh và chị D sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung, mỗi người có ý kiến riêng, cuộc sống ngày càng xảy ra nhiều xung đột. Anh và chị D cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Anh đã về Hải Dương sinh sống và ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là Lê Chí T, sinh ngày: 15-12-2017. Hiện nay con chung đang ở với chị D. Anh đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Đ ở xa đi lại khó khăn nên xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình tố tụng bị đơn chị Trần Thị Xuân D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2016, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây. Chị và anh Đ sống hạnh phúc. Từ năm 2019 cho đến nay anh Đ về quê ở Hải Dương sinh sống và làm việc. Anh Đ có nói chị về ngoài quê anh sống nhưng chị không đồng ý. Anh Đ xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Lê Chí T, sinh ngày: 15-12-2017. Con chung đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin nuôi con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng. Anh Đ được quyền thăm nom con chung, chị không cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ đối với chị D; Anh Đ được quyền ly hôn với chị D; Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Chí T, sinh ngày: 15-12-2017. Giao con chung cho chị D nuôi dưỡng. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Anh Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật

- Kiến nghị khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đ, chị D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh Đ, chị D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Anh chị xác định sống hạnh phúc được thời gian đầu. Từ năm 2019 đến nay phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị tính tình không hợp. Anh chị đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Anh Đ xin ly hôn chị D đồng ý ly hôn nhưng do anh Đ ở xa nên xin vắng mặt không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng anh Đ, chị D không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ vợ chồng. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ với chị D.

[4] Về con chung: Anh chị xác định có 01 con chung là Lê Chí T, sinh ngày: 15-12-2017. Anh chị thống nhất giao con chung cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nhận xét và quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Đ là nguyên đơn phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân, gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Tổng cộng anh Đ phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Lương Đ với chị Trần Thị Xuân D.

Anh Lê Lương Đ được ly hôn với chị Trần Thị Xuân D.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Chí T, sinh ngày: 15-12-2017. Anh chị thống nhất giao con chung cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Lương Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân, gia đình và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng, anh Đ phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí khởi kiện anh Đ đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011062 ngày 12-4-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh Đ còn phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. thị xã Tây Ninh;
- CCTHADS. thị xã Tây Ninh;
- UBND. xã Trường Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Thị Bích Hằng

